

Số: 49 /2021/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 11 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản QPPL năm 2020;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23/11/2009;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19/11/2015;

Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24/4/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Thông tư số 43/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định mức giá cước tối đa dịch vụ trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 20/2017/TT-BTTTT ngày 12/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về điều phối, ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng trên toàn quốc;

Căn cứ Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20/10/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và đảm bảo an toàn thông tin trên Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT ngày 05/11/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20/10/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước;



Căn cứ Nghị quyết số 311/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của HĐND tỉnh về việc thông qua chủ trương Đề án tái cấu trúc mạng truyền số dữ liệu chuyên dùng phục vụ Chính quyền điện tử và thành phố thông minh tỉnh Bắc Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 39/TTr-STTTT ngày 27/9/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 22/10/2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng Ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục kiểm tra VB QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, VX, các bộ phận CV;
- Tòa án nhân dân tỉnh; Tòa án ND cấp huyện;
- Viện Kiểm sát ND tỉnh; Viện KSND cấp huyện;
- Ủy ban MTTQVN cấp huyện;
- Các Doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh;
- Lưu: VT, VX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vương Quốc Tuấn

QUY CHẾ

Quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 19 /2021/QĐ-UBND ngày 11 /10/2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng mạng và đảm bảo an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Các nội dung khác quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng mạng và đảm bảo an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của các cơ quan Nhà nước không quy định tại Quy chế này, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT và Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT và các văn bản khác liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, chính quyền, đoàn thể trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (gọi tắt là cơ quan, đơn vị), các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, vận hành, kết nối và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Mạng truyền số liệu chuyên dùng (TSLCD) cấp II trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh: là phân hệ của mạng TSLCD kết nối tới các thiết bị đầu cuối tại các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện bao gồm /huyện/thị/thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố; các cơ quan cấp xã bao gồm Đảng ủy xã/phường/thị trấn, các cơ quan tương đương cấp xã/phường/thị trấn do doanh nghiệp viễn thông cung cấp, quản lý, vận hành và khai thác trên địa bàn.

2. Đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh: là các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh có điểm kết nối vào mạng TSLCD cấp II.

3. Doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh: là doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu, điều kiện quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 1 Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT và khoản 1, khoản 3 Điều 8; khoản 2, khoản 3 Điều 9 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT.

Chương II

QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KẾT NỐI VÀ SỬ DỤNG MẠNG TSLCD CẤP II

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, vận hành và sử dụng mạng TSLCD cấp II

1. Quản lý, vận hành và sử dụng mạng TSLCD cấp II phải bảo đảm khai thác hiệu quả tài nguyên mạng và nâng cao chất lượng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Nhà nước.

2. Mạng TSLCD cấp II được quản lý, vận hành tập trung, thống nhất; được sử dụng đúng mục đích, thiết thực, hiệu quả, an toàn, được rà soát, kiểm tra, đánh giá định kỳ để đảm bảo an toàn, bảo mật và tính sẵn sàng cao trong quá trình vận hành, sử dụng.

3. Mạng TSLCD cấp II phải đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt, liên tục (24 giờ/ngày và 7 ngày/tuần).

Điều 5. Sử dụng, chia sẻ và lưu trữ thông tin trên mạng TSLCD cấp II

1. Việc sử dụng, chia sẻ và lưu trữ thông tin trên mạng TSLCD cấp II phải tuân thủ các quy định của pháp luật về viễn thông, công nghệ thông tin, an toàn thông tin và lưu trữ.

2. Thông tin được sử dụng, chia sẻ và lưu trữ thông tin trên mạng TSLCD cấp II phải là những thông tin phục vụ cho hoạt động quản lý điều hành và chuyên môn nghiệp vụ của đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II.

3. Thông tin quan trọng truyền tải trên mạng TSLCD cấp II phải tuân thủ pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, mã hóa bằng mật mã cơ yếu.

4. Các hành vi vi phạm ảnh hưởng đến an toàn, bảo mật của mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II phải được phát hiện kịp thời và xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Danh mục dịch vụ cung cấp trên mạng TSLCD cấp II

Các cơ quan, đơn vị sử dụng các dịch vụ cung cấp trên mạng TSLCD cấp II bao gồm: dịch vụ cơ bản, dịch vụ giá trị gia tăng và các dịch vụ cộng thêm được quy định tại Điều 5 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT.

Điều 7. Ứng dụng khai thác trên mạng TSLCD cấp II

Ứng dụng khai thác trên mạng TSLCD cấp II bao gồm các dịch vụ, phần mềm phục vụ cho việc triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin cho các cơ quan, đơn vị như:

1. Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành của tỉnh.
2. Hệ thống thư điện tử công vụ của tỉnh
3. Hệ thống phần mềm Cổng Dịch vụ công trực tuyến tích hợp hệ thống một cửa điện tử tỉnh Bắc Ninh.
4. Hệ thống Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

5. Hệ thống Camera giám sát an ninh trên địa bàn tỉnh nhằm phục vụ các cơ quan nhà nước giám sát hoạt động, quản lý công tác đảm bảo an ninh, an toàn trật tự xã hội; xây dựng chính quyền điện tử và phát triển đô thị thông minh.

6. Phần mềm Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh.

7. Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến, bao gồm: hệ thống từ tỉnh đến huyện và hệ thống từ huyện đến xã.

8. Các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

9. Trục kết nối liên thông, nền tảng chia sẻ, tích hợp cấp tỉnh (LGSP) phục vụ truy cập, kết nối đến các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung đặt tại Trung tâm dữ liệu thành phố thông minh của tỉnh.

10. Dịch vụ chia sẻ kết nối mạng Internet tập trung.

Điều 8. Giá cước dịch vụ trên mạng TSLCD cấp II

1. Cước phí sử dụng mạng TSLCD cấp II được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước tỉnh và áp dụng theo Thông tư số 43/2017/TT-BTTTT.

2. Doanh nghiệp viễn thông trên địa bàn tỉnh thực hiện công khai giá cước dịch vụ của mạng TSLCD cấp II theo quy định.

Điều 9. Quy định về kết nối đối với doanh nghiệp viễn thông cung cấp kết nối cho mạng TSLCD cấp II

1. Mạng TSLCD cấp II do Doanh nghiệp viễn thông cung cấp kết nối đến các cơ quan, đơn vị trong tỉnh thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT.

2. Căn cứ vào nhu cầu quản lý tập trung về kết nối và tốc độ sử dụng đối với đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II (thông qua đề xuất của Sở Thông tin và Truyền thông và đơn vị sử dụng), doanh nghiệp viễn thông phải cam kết theo hợp đồng sử dụng và bảo đảm kết nối, tốc độ truy cập của đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II ổn định, thông suốt.

3. Doanh nghiệp viễn thông phải thiết lập địa chỉ IP, thông số kết nối cho đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II đã được Cục Bưu điện Trung ương hướng dẫn, quy hoạch cho tỉnh Bắc Ninh.

4. Hạ tầng mạng của doanh nghiệp viễn thông cung cấp kết nối cho mạng TSLCD cấp II thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT và khoản 2, khoản 3 Điều 9 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT.

Điều 10. Quy định về bảo đảm an toàn thông tin cho mạng TSLCD cấp II

1. Việc bảo đảm an toàn thông tin cho hạ tầng mạng TSLCD cấp II thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT, Khoản 5 Điều 1 Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT.

2. Yêu cầu an toàn thông tin đối với hệ thống thông tin khi kết nối vào mạng TSLCD cấp II thực hiện theo Phụ lục I kèm theo Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT.

3. Yêu cầu an toàn cơ bản đối với Trung tâm dữ liệu khi kết nối vào mạng TSLCD cấp II thực hiện theo Phụ lục II kèm theo Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT.

4. Đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II có trách nhiệm bảo đảm an toàn, an ninh thông tin theo Quy định tại Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 22/10/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy chế bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan cho phép các đơn vị thuộc khối cơ quan nhà nước (thành lập mới hoặc chưa có trong danh sách kết nối mạng hiện nay) được đấu nối, sử dụng hệ thống mạng TSLCD tập trung của tỉnh;
2. Chủ trì kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm quy định về sử dụng, chia sẻ, lưu trữ thông tin và an toàn thông tin trên mạng TSLCD cấp II;
3. Chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp viễn thông thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn mạng và thông tin trên mạng TSLCD cấp II;
4. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện các quy định về mạng truyền số liệu chuyên dùng; hướng dẫn các đơn vị quản lý, khai thác hiệu quả mạng TSLCD cấp II.
5. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng năm, báo cáo đột xuất cho UBND tỉnh về tình hình hoạt động mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.
6. Thực hiện tổng hợp, báo cáo về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Bưu điện Trung ương) tình hình khai thác, sử dụng mạng TSLCD trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh.

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Hàng năm, bố trí kinh phí bảo đảm triển khai các nhiệm vụ và duy trì hoạt động của mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Điều 13. Trách nhiệm của Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông tỉnh Bắc Ninh

1. Chủ trì lập dự toán kinh phí về việc sử dụng mạng TSLCD cấp II hàng năm theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn của các Bộ, ngành liên quan, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Là đầu mối chi trả kinh phí duy trì hoạt động mạng TSLCD cấp II cho Doanh nghiệp viễn thông theo nhu cầu và mức độ sử dụng thực tế của từng cơ quan, đơn vị trên cơ sở tiết kiệm và hiệu quả.
2. Trực tiếp quản trị, giám sát, duy trì hoạt động mạng TSLCD theo quy định; hỗ trợ, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị trong việc cấu hình, thiết lập mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II; bảo đảm an toàn thông tin cho mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh và các hệ thống thông tin liên quan theo quy định;

3. Tham mưu xây dựng kế hoạch phát triển mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh.
4. Là đầu mối tiếp nhận, khắc phục và xử lý sự cố ở các cơ quan, đơn vị với doanh nghiệp cung cấp hạ tầng kết nối, dịch vụ cho mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh.
5. Định kỳ, đột xuất báo cáo về sự cố và tình hình khai thác, sử dụng mạng TSLCD cấp II cho Sở Thông tin và Truyền thông.

Điều 14. Trách nhiệm của doanh nghiệp viễn thông cung cấp hạ tầng kết nối và dịch vụ cho mạng TSLCD cấp II

1. Công bố đầu mối hỗ trợ kỹ thuật, khắc phục sự cố và giải quyết khiếu nại của các đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh.
2. Xây dựng và công bố quy định chi tiết các nội dung hợp đồng mẫu; thương thảo, ký kết hợp đồng với Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông để cung cấp kết nối và dịch vụ trên mạng TSLCD cấp II cho tất cả các cơ quan, đơn vị sử dụng theo quy định trên địa bàn tỉnh.
3. Bảo đảm chất lượng dịch vụ, độ sẵn sàng đối với các điểm kết nối thuộc mạng TSLCD cấp II. Hỗ trợ kỹ thuật cho các cơ quan, đơn vị sử dụng các dịch vụ được cung cấp trên mạng TSLCD cấp II.
4. Huy động hạ tầng, năng lực của doanh nghiệp để phục vụ thông tin khẩn cấp theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước tại địa phương.
5. Triển khai các giải pháp, hệ thống thiết bị dự phòng và con người để bảo đảm cơ sở hạ tầng mạng TSLCD cấp II hoạt động liên tục và an toàn.
6. Chịu sự chỉ đạo, kiểm tra của Sở Thông tin và Truyền thông trong thực hiện các quy định của pháp luật về điều hành hoạt động, duy trì, bảo đảm an toàn thông tin trên mạng TSLCD cấp II đồng thời chịu sự giám sát, thẩm định của Cục Bưu điện Trung ương đối với các dịch vụ cung cấp trên mạng truyền số liệu chuyên dùng và các sự cố đối với mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh.
7. Chỉ được phép lắp đặt mới, mở rộng kết nối mạng TSLCD cấp II trong các cơ quan nhà nước khi có văn bản đồng ý của Sở Thông tin và Truyền thông.
8. Kịp thời thông báo các loại cước phí, dịch vụ, chính sách sử dụng dịch vụ mới ban hành theo quy định.
9. Định kỳ trước 15 tháng 6 và 15 tháng 12 hàng năm, doanh nghiệp tổng hợp, báo cáo về tình hình hoạt động mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh cho Sở Thông tin và Truyền thông.
10. Có hệ thống quản lý xác thực tập trung đối với các tài khoản truy cập cấu hình thiết bị, phân quyền phù hợp cho người quản trị và chia sẻ quyền quản trị với cơ quan nhà nước phục vụ quá trình kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ mạng.

Điều 15. Trách nhiệm của đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II

1. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị
 - a) Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được quy định tại Điều 19 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT và khoản 9 Điều 1 Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT.

b) Không thay đổi kết nối, thông số thiết lập mạng của các thiết bị liên quan đến mạng số liệu chuyên dùng không thuộc thẩm quyền, gây xung đột tài nguyên, ảnh hưởng đến việc vận hành hệ thống mạng số liệu chuyên dùng; đảm bảo các thiết bị đầu cuối phục vụ kết nối hoạt động 24/7, chịu trách nhiệm về nội dung, thông tin của đơn vị được truyền tải trên mạng TSLCD cấp II.

c) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng trong việc thiết lập hệ thống máy chủ, cài đặt thiết bị, địa chỉ IP kết nối mạng TSLCD cấp II; tổ chức khai thác có hiệu quả các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin, phần mềm do đơn vị chủ trì triển khai trên mạng TSLCD cấp II.

d) Tổ chức, phân công cán bộ hoặc bộ phận chuyên trách công nghệ thông tin thực hiện nhiệm vụ quản trị mạng máy tính tại đơn vị, cụ thể: Lập nhật ký theo dõi quá trình hoạt động của các thiết bị kết nối mạng TSLCD cấp II; quá trình kết nối, sử dụng mạng TSLCD cấp II.

Quản lý chặt chẽ hệ thống hạ tầng và thiết bị kết nối mạng TSLCD cấp II của đơn vị. Chỉ được phép cho nhân viên kỹ thuật của doanh nghiệp viễn thông cung cấp hạ tầng kết nối và dịch vụ cho mạng TSLCD cấp II tiến hành xử lý và khắc phục các sự cố của thiết bị có liên quan trực tiếp đến mạng TSLCD cấp II; không được phép cho người khác sử dụng máy chủ kết nối mạng TSLCD cấp II và không tự ý cài đặt các phần mềm ứng dụng lên hệ thống máy chủ khi chưa có sự đồng ý của Thủ trưởng đơn vị.

Tham gia đầy đủ các buổi tập huấn về quản lý, quản trị mạng do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức hoặc các lớp đào tạo nghiệp vụ quản trị mạng theo các chương trình phù hợp.

đ) Trước ngày 01 tháng 12 hằng năm báo cáo về Sở Thông tin và Truyền thông tình hình khai thác, sử dụng mạng TSLCD cấp II trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tại cơ quan, đơn vị để tổng hợp báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông, Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Trách nhiệm phối hợp xử lý sự cố

a) Đối với các sự cố thông thường (về kết nối, tốc độ, chất lượng dịch vụ,...) các đơn vị liên hệ trực tiếp đầu mối bộ phận hỗ trợ kỹ thuật của doanh nghiệp viễn thông cung cấp hạ tầng kết nối và dịch vụ cho mạng TSLCD cấp II để được hỗ trợ khắc phục sự cố và thông báo cho Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông biết để phối hợp, hỗ trợ xử lý.

b) Đối với các sự cố nghiêm trọng (các sự cố liên quan đến thiết bị mạng, thiết bị bảo mật, đường truyền, các sự cố liên quan đến an toàn thông tin, mất dữ liệu,...) ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của cơ quan, đơn vị; vượt quá khả năng tự khắc phục của cơ quan, đơn vị phải nhanh chóng thông báo cho Sở Thông tin và Truyền thông để điều phối việc khắc phục.

c) Trong trường hợp có kế hoạch nâng cấp, bảo trì hệ thống mạng LAN nội bộ có ảnh hưởng đến mạng TSLCD cấp II phải thông báo cho Sở Thông tin và Truyền thông và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trước tối thiểu 05 ngày làm việc để phối hợp, nhằm đảm bảo phù hợp với quy hoạch tổng thể mạng TSLCD.

Điều 16. Trách nhiệm của cá nhân sử dụng mạng TSLCD cấp II

1. Người sử dụng (thuộc các đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II) khi kết nối vào mạng TSLCD cấp II phải tuyệt đối tuân thủ những quy định về quản lý, vận hành và sử dụng mạng TSLCD cấp II. Mọi vi phạm tùy thuộc vào mức độ, đều bị xem xét, xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

2. Không thực hiện truy cập trái phép vào mạng TSLCD cấp II.

3. Không tự ý cài đặt, lắp đặt, tháo gỡ, di chuyển, thay đổi kết nối, can thiệp không đúng thẩm quyền vào các thiết bị đã thiết lập trên mạng TSLCD cấp II; không cung cấp, phát tán thông tin không được pháp luật cho phép; không cố tình gây mất an toàn thông tin trên mạng TSLCD cấp II, gây ảnh hưởng đến việc vận hành hệ thống mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II.

4. Không tiết lộ sơ đồ tổ chức hệ thống mạng, mật khẩu truy nhập các ứng dụng trên mạng TSLCD cấp II cho các tổ chức, cá nhân không đúng thẩm quyền.

5. Khi phát hiện sự cố xảy ra phải thông báo kịp thời cho người có thẩm quyền của đơn vị mình để giải quyết.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện Quy chế này; theo dõi, kiểm tra định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình thực hiện của các cơ quan, đơn vị.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp viễn thông cung cấp dịch vụ mạng TSLCD cấp II chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này trong phạm vi quản lý của mình.

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc có vấn đề phát sinh. Các cơ quan, đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Thông tin và Truyền thông) để tổng hợp, tham mưu, trình UBND tỉnh, bổ sung Quy chế cho phù hợp với thực tiễn./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vương Quốc Tuấn

